

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 8 - 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Văn H.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành P.
2. Bà Dương Triết M.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** bà Phan Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Dương Thị Kim B , sinh năm 1991. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T , huyện T , tỉnh A .

**2. Bị đơn:** anh Phạm Phong A , sinh năm 1985. (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm B, thị trấn N , huyện T , tỉnh A .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 12/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Kim B trình bày: sau thời gian tìm hiểu, chị Kim B và anh A tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N , huyện T , tỉnh A vào ngày 04/6/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Phạm Thành Đ , sinh ngày 07/10/2013. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh A không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù chị Kim B

nhiều lần khuyên ngăn, gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng anh A vẫn không thay đổi. Đến cuối năm 2014, chị Kim B dẫn cháu Đ về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống cho đến nay. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Kim B yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: chị Kim B yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Phong A .
- Về con chung: chị Kim B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thành Đ , sinh ngày 07/10/2013, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*Bị đơn anh Phạm Phong A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: chị Dương Thị Kim B được ly hôn với anh Phạm Phong A .

+ Về con chung: giao cháu Phạm Thành Đ cho chị Dương Thị Kim B chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

+ Về án phí: chị Kim B yêu cầu ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Phong A có địa chỉ tại thị trấn Núi Sập, huyện T

, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Phong A đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập anh A đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Kim B và anh Phạm Phong A chung sống với nhau từ năm 2012, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 04/6/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Dương Thị Kim B và anh Phạm Phong A phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Kim B thấy rằng, chị với anh A chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 6 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Kim B cho rằng, anh A không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh A, tạo điều kiện cho anh A và chị Kim B hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh A không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được chung sống với chị Kim B.

[3.4] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 26/5/2022, được đại diện Ban ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện T cung cấp như sau: anh Phạm Phong A và chị Dương Thị Kim B chung sống tại ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện T, tỉnh A. Thời gian chung sống, vợ chồng có một con chung. Mâu thuẫn giữa anh A và chị Kim B thì địa phương không rõ. Chị Kim B đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột (ấp T, xã T, huyện T) sinh sống từ năm 2014 cho đến nay.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, chị Kim B và anh A bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân suốt thời gian dài, từ cuối năm 2014 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị Kim B cho rằng giữa chị và anh A không còn tình nghĩa vợ chồng nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh A. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Kim B và anh A mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Kim B.

[5] Quan hệ con chung: chị Kim B và anh A có 01 con chung tên Phạm Thành Đ. Chị Kim B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi chị Kim B và anh A ly thân, cháu Đ được chị Kim B chăm sóc, nuôi dưỡng và cho học hành ổn định. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của cháu Đ ngày 01/6/2022, thì cháu muốn được sống chung với chị Kim B. Do vậy, để ổn định cuộc sống và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu Đạt; căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Kim B; giao cháu Phạm Thành Đ cho chị Kim B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Kim B không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: chị Dương Thị Kim B yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim B.

**1.1.** Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Kim B được ly hôn với anh Phạm Phong A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 04/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

**1.2.** Về con chung: giao cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 07/10/2013 cho chị Dương Thị Kim B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu Đ đang sống chung với chị Kim B). Anh Phạm Phong A không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Dương Thị Kim B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Phong A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

**1.3.** Về tài sản chung: không có.

**1.4. Về nợ chung:** ghi nhận chị Kim B xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Dương Thị Kim B và anh Phạm Phong A vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** chị Dương Thị Kim B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009264 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (chị Kim B đã nộp xong).

**3. Về quyền kháng cáo:** các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Trần Văn H**